



gè sè
各色

adjective · all kinds; various

Example Sentences

Shāng diàn lǐ bǎi zhe gè sè de táng guǒ
商店里摆着各色的糖果。

The store has all kinds of candies.

Huā yuán lǐ kāi zhe gè sè de huā duǒ fēi cháng měi lì
花园里开着各色的花朵，非常美丽。

The garden has various flowers blooming,
very beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

各	各	各	各	各	各	各	各	各		
色	色	色	色	色	色	色	色	色		